

PHÂN TÍCH CÔNG TY NIÊM YẾT



CÔNG TY CỔ PHẦN

SẢN XUẤT KINH DOANH – XNK BÌNH THUẬN

GIỚI THIỆU

Mã chứng khoán:	GIL
Sàn niêm yết:	HOSE
SL CP đang lưu hành:	10.089.818
SL CP niêm yết:	10.219.818
Giá cao nhất 52 tuần:	26.500 đ/cp
Giá thấp nhất 52 tuần:	12.800 đ/cp
Giá hiện tại:	
Mức vốn hóa (triệu đồng)	

Trụ sở : 370 B. Trần Hưng Đạo, P.14, Bình Thuận

Tel: 08.5108508 - Fax: 08.5510585

Website: www.gilimex.com

Ngành nghề kinh doanh chính:

☐ Sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông lâm & thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, lắp ráp thiết bị cơ khí, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng,...

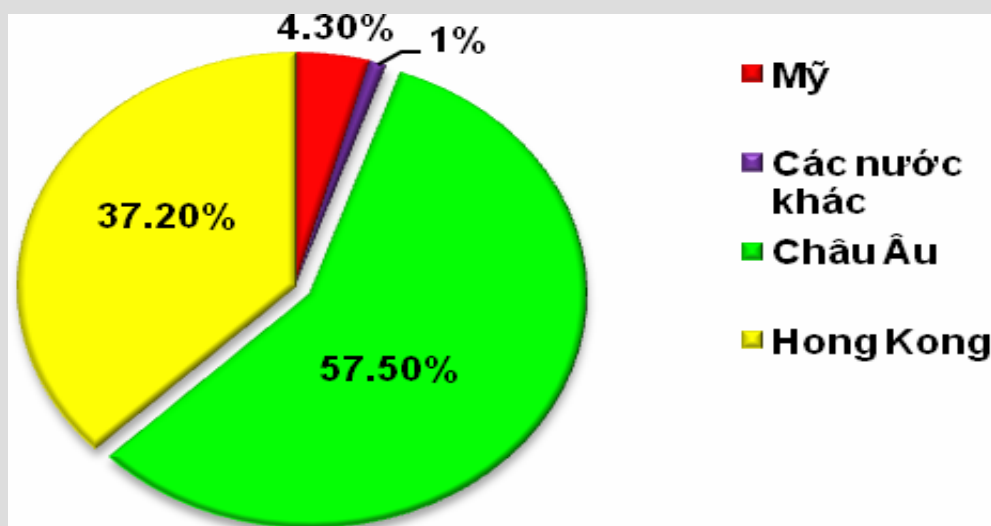
☐ Nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, phụ tùng tiêu dùng, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử,...

☐ Kinh doanh bất động sản,....

GILIMEX

Gilimex là doanh nghiệp hàng đầu trong sản xuất và xuất khẩu FOB ba lô túi xách tại Việt Nam. Khách hàng lớn gồm có: IKEA (Thụy Điển), Hapitat (Anh); CRUMPLER (Mỹ), VOSH (Mỹ), BRUMMENT (Anh)...

Công ty hiện tại có mặt tại xã Nghi Phú, thị trấn Bình Thuận với công suất 11 triệu sản phẩm/năm, kim ngạch xuất khẩu 18,6 triệu USD/năm; mặt siêu thị kinh doanh hiện máy đóng góp 10% tổng doanh thu hiện tại; sở hữu 100% công ty TNHH Thuận Mỹ được thành lập vào tháng 8/2008 (sở hữu xí nghiệp may Phú Mỹ).



GIỚI THIỆU

Xí nghiệp May Phú Mỹ (Công ty TNHH Thuận Mỹ)

Địa điểm: Bà Rịa – Vũng Tàu
Đã hoàn thành giai đoạn 1

Hình thức hoạt động: 5
chuyến may, 1 công nhân lao động
là 300 công nhân. Dự kiến đến tháng
10/2009 là 600 công nhân và tháng
3/2010 là 1000 công nhân.

Giá trị sản lượng dự kiến trong
năm 2009 xuất khẩu 5.000.000
USD.

Cao ốc Gilimex Building

Địa điểm: 24C Phan Đăng Lưu,
Bình Thuận, TPHCM.

Diện tích khu đất: 1210 m² (15
tăng).

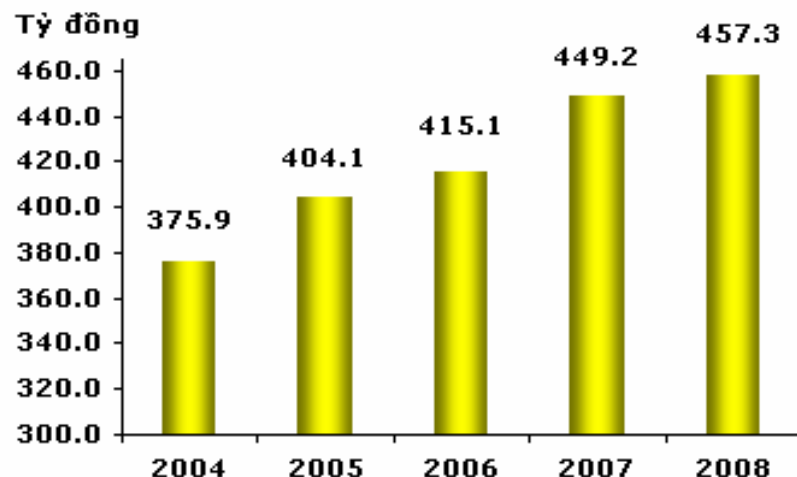
Tổng diện tích cho thuê: 7380
m²

Dự kiến thời gian đưa vào khai
thác: Tháng 7/2009

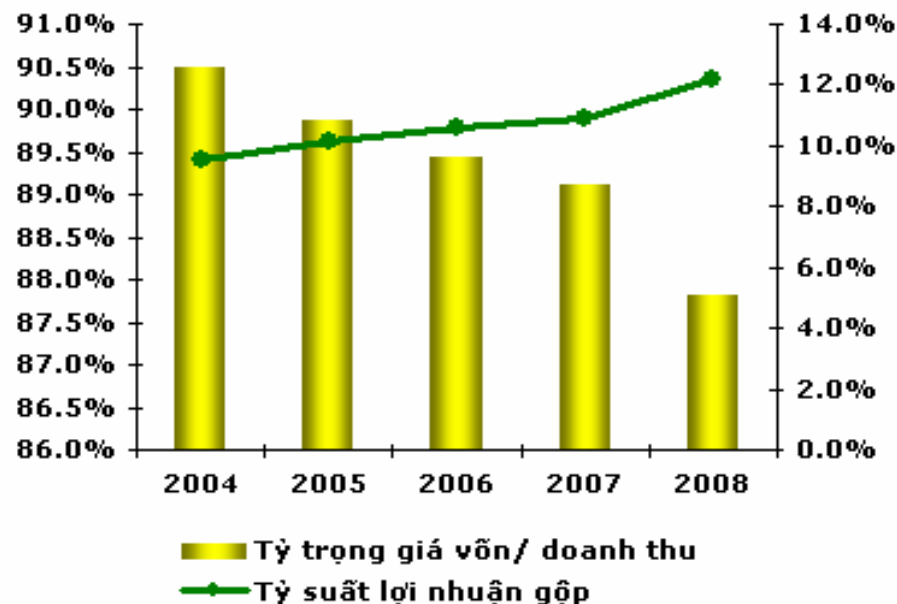
PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh (triệu đồng)	TH 2006	TH 2007	TH 2008	% tăng trưởng	KH 2008	Tỷ lệ hoàn thành KH	KH 2009	% tăng so với TH 2008
Kim ngạch xuất khẩu (triệu US\$)	21.3	22.6	23.6	4.55%	27.5	85.93%	28.5	20.61%
Kim ngạch nhập khẩu (triệu US\$)	6.93	8.48	10	18.22%	10.5	95.47%	11.5	14.72%
Doanh thu thuần	415,084	449,156	457,347	1.82%	552,600	82.76%	561,700	22.82%
Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh	20,650	25,341	28,221	11.40%				
Thu nhập thuần từ HĐ tài chính	5,025	7,440	10,027	34.80%				
Lợi nhuận từ hoạt động khác	-19	1,293	549	-57.50%				
Tổng lợi nhuận trước thuế	25,656	34,074	38,797	13.90%			39,500	1.81%
Lợi nhuận sau thuế	23,044	26,530	30,761	15.90%	28,000	109.86%	31,600	2.73%
Tỷ lệ chia trả cổ tức		16%	25%				20%	
Tỷ suất lợi nhuận gộp	10.60%	10.90%	12.18%					
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	5.60%	5.90%	6.73%					
ROE	16.00%	8.00%	9.78%					
ROA	12.30%	6.90%	8.21%					
EPS (VND/cổ phiếu)	5,065	2,596	3,010	15.90%				
Book value (VND/cổ phiếu)	31,672	32,604	30,790	-5.60%				
Giá hiện tại ngày 13/05/2009			21,000					
P/E			6.98					
P/B			0.68					

Tổng trị giá doanh thu

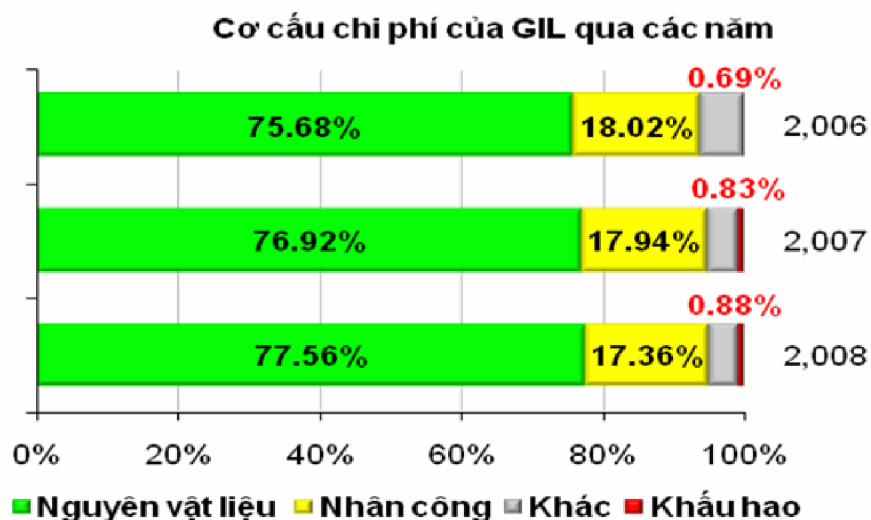


Tỷ trọng giá vốn/ doanh thu

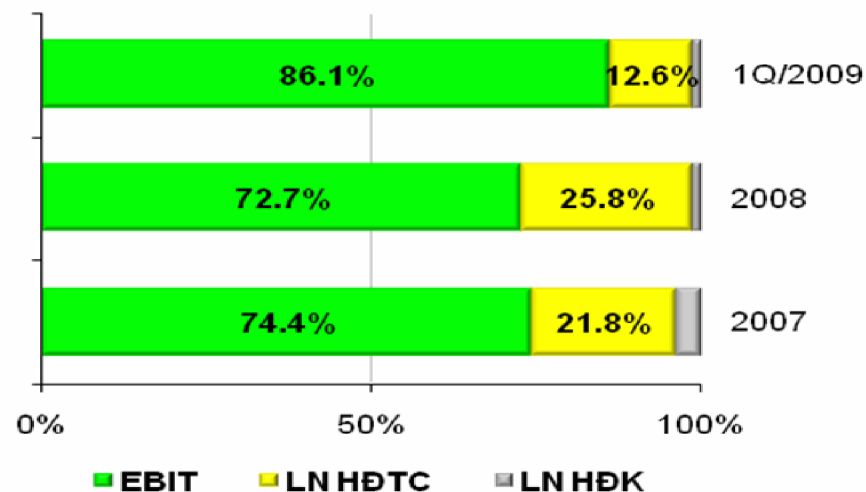


- Doanh thu tăng trưởng nhanh qua các năm.
- Năm 2008 vẫn duy trì được tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận sau thuế đạt 109,86% so với kế hoạch.
- Kết quả doanh thu sản phẩm tăng mạnh mẽ khi xí nghiệp nhập May Phú Mỹ vào sản xuất và kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực sản xuất & Gilimex Building được khai thác.
- Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng trưởng tích cực cho thấy hiệu quả trong quản lý & sản xuất.
- Năm 2008 khá thành công

Cấu trúc chi phí

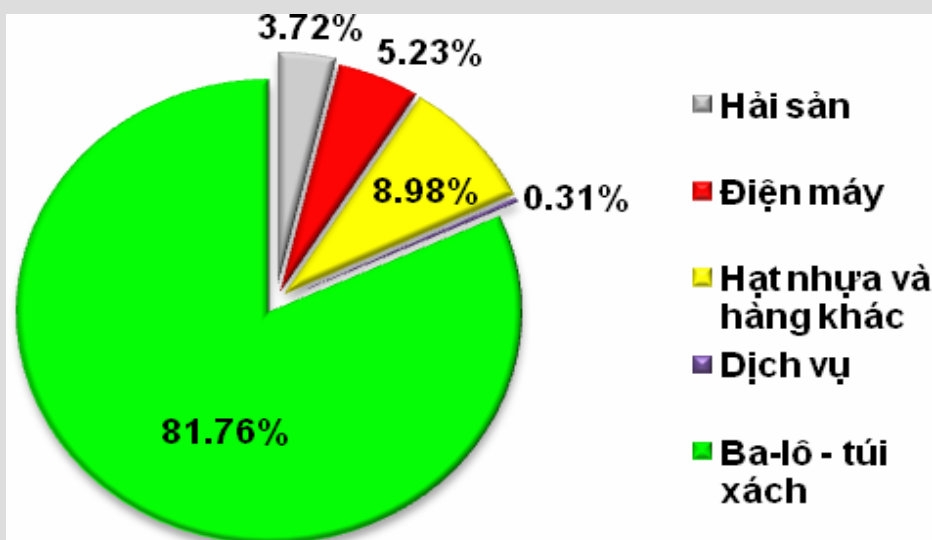


Cấu trúc lợi nhuận

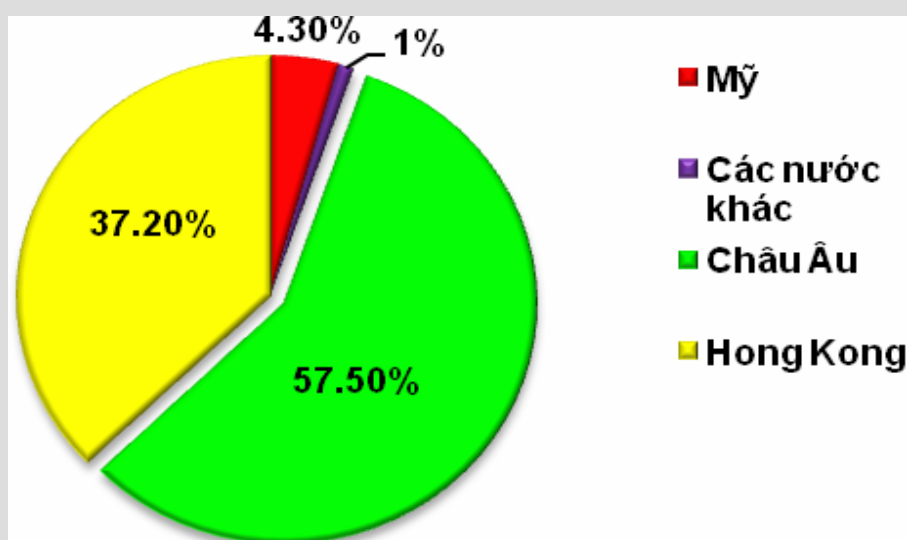


Kết quả kinh doanh quý (triệu đồng)	Q1-2008	Q2-2008	Q3-2008	Q4-2008	Q1-2009	Q1-09 so với Q1-08
Doanh thu thuần	106,356	106,737	115,310	128,944	115,744	8.80%
Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh	4,831	4,616	7,383	11,392	10,359	114.40%
Thu nhập thuần từ HĐ tài chính	3,069	4,116	951	1,892	1,519	-50.50%
Lợi nhuận từ hoạt động khác	228	217	276	-173	150	-34.20%
Tổng lợi nhuận trước thuế	8,128	8,949	8,610	13,111	12,028	48.00%
Lợi nhuận sau thuế	6,502	7,159	6,888	10,299	9,416	44.80%

Cấu trúc sản phẩm



Thị trường



-Chi phí nguyên vật liệu và nhân công chi m t tr ng r t l n, chi phí kh u hao chi m t tr ng th p nh ng ang có xu h ng t ng nh .

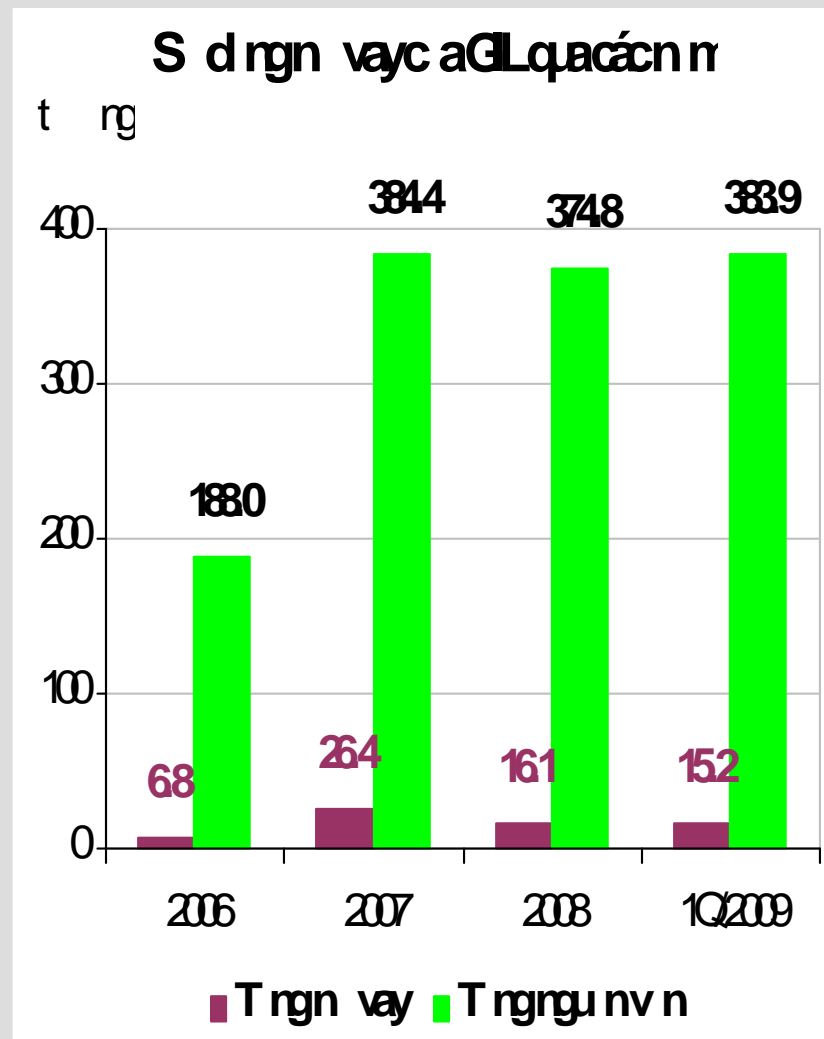
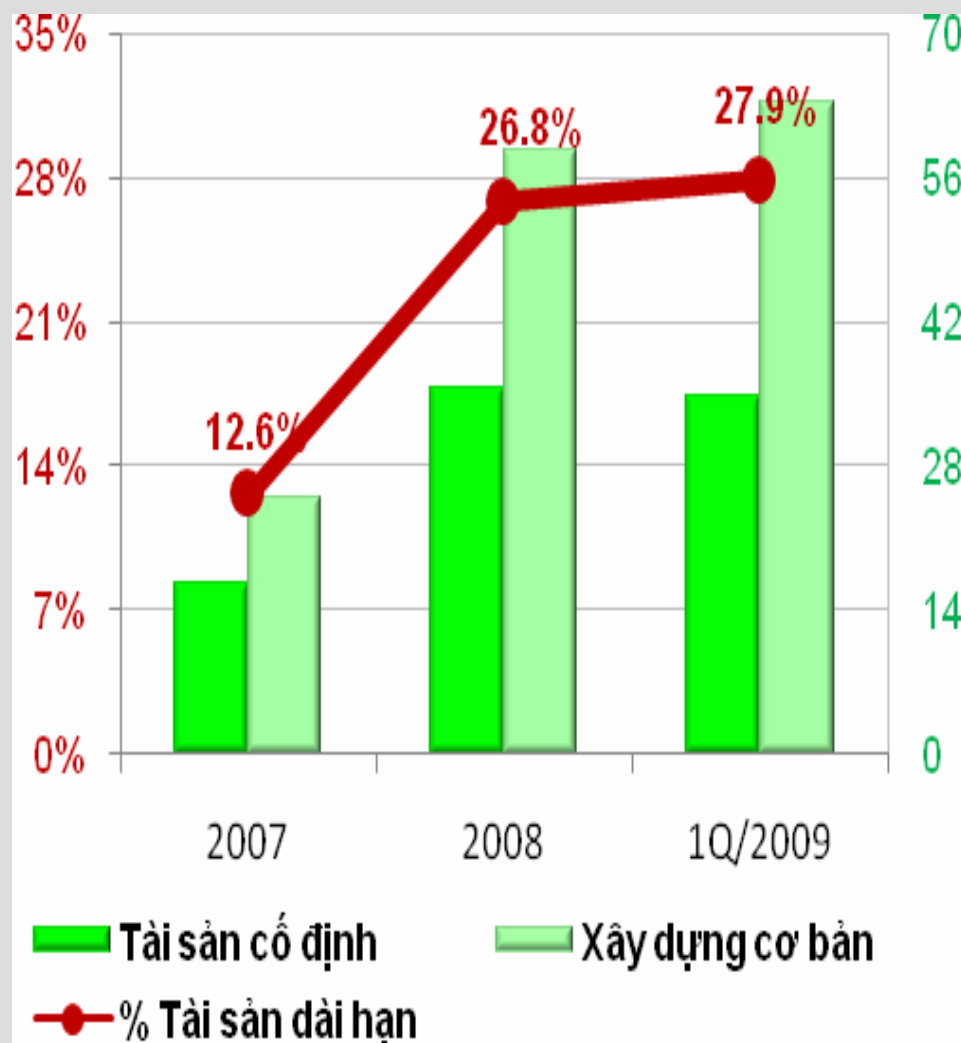
-T su t l i nhu ng p ang t ng d n.

-L i nhu n thu n t ho t ng kinh doanh trong Quý I/2009 t ng n t ng 114,4% so v i cùng k . L i nhu n sau thu c ng t ng 44,8% so v i cùng k .

-T su t l i nhu ng p trong quý I/2009 ã gia t ng áng k . ây có th là k t qu c a vi c kì m soát chi phí t t h n, y u t r t quan tr ng trong ngành may m c, ng th i n u nh đây chuy n m i c ho t ng h t công su t thì ch s này có kh n ng t cao h n.

-Th tr ng xu t kh u c a Công ty r t n nh, ít b nh h ng do kh ng ho ng kinh t .

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH - NGUỒN VỐN



-Tư vấn tài sản dài hạn từ ngân hàng do sự góp mặt của các tổ chức tài chính (xây dựng cơ bản đang), và việc có ích từ các ngân hàng là sản xuất hiện tại và mở rộng sang lĩnh vực kinh doanh mới – Việc phòng cho thuê.

-Người vay tiền hàng đầu để dùng tiền tài chính (phần lớn là các khoản tín dụng ngắn hạn) trong khi chi phí ngân hàng cho các dự án. Việc pháp luật về tiền này tạo ra an toàn và hiệu quả. Nếu loại trừ những hạn chế của các khoản tiền tài chính (và về sau là giá trị các dự án bất động sản), các chủ tài sản của GIL đang có xu hướng tăng dần từ tư vấn tài sản dài hạn (tài sản cố định).

-GIL sử dụng tài sản để tài chính rất thấp. Việc ngân hàng tài chính rất thấp như vậy cho thấy họ đã đầu tư, hạn chế tín dụng (nếu có) còn rất nhiều, GIL có nhiều thu nhập từ các dự án phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh mà không cần tăng thêm vốn đầu tư.

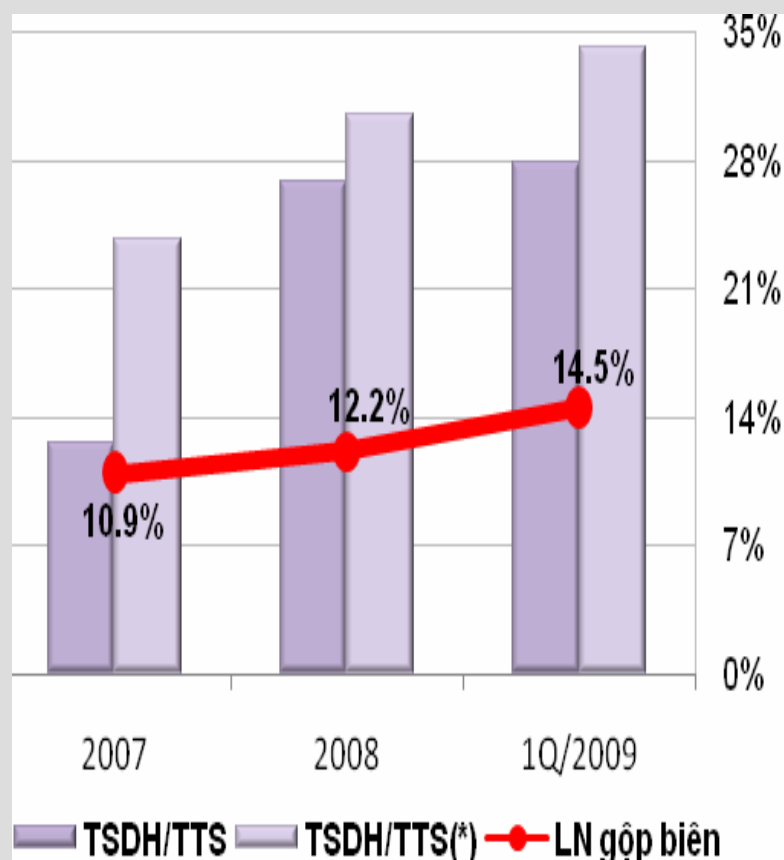
-Năm 2008, vì có ít sử dụng vốn vay ngân hàng nên tất cả các khoản tín dụng ngắn hạn chi trả từ ngân hàng trong bảng cân đối kế toán là một phần của thành công về mặt tài chính của GIL. trong khi phần lớn các hoạt động tài chính của các doanh nghiệp khác đều cho kết quả tiêu cực.

So sánh các chỉ tiêu tài chính của GIL với các doanh nghiệp cùng ngành

Chỉ tiêu	TCM		GMC		NPS		GIL (*)	
	2007	2008	2007	2008	2007	2008	2007	2008
Tổng doanh thu	102.50%	-3.70%	59.40%	19.20%	69.60%	-1.80%	8.20%	1.80%
Tổng lợi nhuận gộp	116.70%	-16.00%	61.40%	26.20%	55.20%	13.90%	11.50%	13.80%
Tổng lợi nhuận ròng	286.50%	-96.10%	47.70%	19.70%	61.20%	9.10%	15.10%	15.90%
Lợi nhuận gộp biên	17.00%	14.70%	24.80%	26.20%	19.70%	22.90%	10.90%	12.20%
EBIT biên	9.80%	6.90%	5.40%	3.80%	10.00%	9.80%	5.60%	6.20%
EBITDA biên	11.80%	9.10%	7.60%	4.90%	13.30%		6.20%	6.80%
Lợi nhuận ròng biên	7.00%	0.30%	4.00%	4.00%	7.80%	8.70%	5.90%	6.70%
ROA	6.70%	0.20%	7.90%	9.20%	6.50%	6.00%	6.90%	8.20%
ROE	26.50%	0.90%	13.20%	15.60%	20.50%	27.10%	8.00%	9.80%
Vòng quay hàng tồn kho	3.74	5.46	9.11	6.96	7.12		10.12	5.88
Vòng quay phải thu	6.85	7.4	9.85	17.66	13.57		6.05	4.71
Vòng quay phải trả	12.1	6.86	6.9	10.34	22.96		27.3	11.45
Hệ số thanh toán	0.9	0.8	1.6	1.3	4.91	6.42	6.74	4.62
Hệ số thanh toán nhanh	0.5	0.6	1.2	0.7	0.09	0.14	5.94	3.46
Tài sản ngắn hạn / TTS	47.10%	39.10%	62.90%	49.90%	28.30%	26.60%	87.40%	72.50%
Tài sản dài hạn / TTS	52.90%	60.90%	37.10%	50.10%	71.70%	73.40%	12.60%	27.50%
Uỷ suất tài chính / TTS	5.70%	5.30%	4.20%	7.50%	7.20%	12.80%	52.80%	14.60%
Nợ vay / Tổng tài sản	40.20%	48.80%	10.90%	12.50%	57.50%	40.30%	6.90%	4.30%
Vốn chủ / Tổng tài sản	26.40%	26.40%	60.00%	60.60%	31.80%	22.10%	86.70%	84.00%

(*) M t hàng kinh doanh của GIL là balô, túi xách; trong khi các doanh nghiệp khác kinh doanh các sản phẩm vải, quần áo,.. Do vậy, các phép so sánh chỉ mang tính tham khảo.

Thay đổi tỷ trọng tài sản dài hạn trong cơ cấu tài sản và lợi nhuận gộp biên qua các năm



-Việc sử dụng mặt tiền là một ưu điểm trong giá thành sản phẩm sản xuất thành phẩm, gánh nặng nợ như doanh nghiệp không có khoản nợ mở rộng thanh toán, tăng doanh thu. Vì vậy ngành dệt may, chắc chắn tăng trưởng là khá rõ ràng.

- Về việc GIL tăng cường đầu tư vào dây chuyền, tăng năng lực sản xuất hàng hóa như khách hàng tự sản xuất lợi nhuận gộp sản phẩm thì rất thuận lợi trong thời gian tới do có uy tín xuất khẩu và thanh toán truy cập theo tiêu chuẩn. Và điều này cũng là áp lực rất lớn về lợi nhuận cho Công ty.

-GIL thể hiện quy mô tài sản khá tốt, biểu hiện là các chỉ số vòng quay tài sản tăng nhanh hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

(*) Lợi nhuận hàng hóa giá trị đầu tư tài chính

TRI N V NG VÀ THÁCH TH C

- Chi n l c phát tri n c a Gilimex trong n m 2009 là tỉ p t c t p trung y m nh ho t ng chính, may xu t kh u ba lô túi xách.

-K ho ch n m 2009, doanh thu thu n t 561,7 t ng, t ng 22,82% so v i m c th c hi n n m 2008, l i nhu n sau thu t 31,6 t ng.

-Hi n t i, GIL ã có s n hàng m
b o ho t ng s n xu t n tháng 10/2009,
đ ki n n quý 3/2009 công ty xu t c
20 tri u USD.

-Cao cấp Gilimex sẽ chuyển vào khai thác trong tháng 7/2009, tính tổng lợi nhuận kỳ vọng 40-50%.

-Riêng ngành dệt may có Chính phủ ưu tiên phát triển với tốc độ 20%-30%/ năm

-Việc mua sắm nguyên vật liệu sản xuất các sản phẩm kinh doanh phải dựa trên cơ sở dự toán chi phí và kế hoạch tài chính của đơn vị.

- Cao c Gilimex a vào khai thác trong n m góp ph n làm gia t ng doanh thu cho công ty. Vì t su t sinh l i c a ngành b t ng s n là khá cao, các ch tiêu l i nhu n chung c a GIL s c i thi n t t h n. Tuy nhiên, trong b i c nh giá thuê v n phòng c n c ang gi m m nh nh hi n t i, t su t l i nhu n ho t ng cho thuê v n phòng c a GIL s ph i ch u áp l c t c m t t l l p y òi h i.

NH GIÁ

WACC		P/E, P/B	2008	2009	T NG H P	GIÁ	%
Vốn chủ sở hữu bình quân	360,031	EPS	3,049	3,394	FCFF	35,780	20%
Nợ vay bình quân	90,695	BV	30,790	31,845	FCFE	30,963	20%
E/ (D+E)	79.90%	P/E	6.9	8	P/E	26,070	15%
D/ (D+E)	20.10%	P/BV	0.7	0.7	P/B	22,085	15%
Chi phí lãi vay trước thuế Rd	12%	Giá hiện tại	21,000		DDM	23,906	15%
Thu suất	20%	Po P/E		26,076	EVA	24,040	15%
Chi phí vốn chủ sở hữu Re	12.40%	Po P/B		22,085	Giá cổ phiếu	27,764	100%
Lãi suất phi rủi ro Rf	8%						
Lãi suất thị trường Rm	15%						
Beta	0.7						
WACC	11.90%						
g	5.00%						

XIN CHÀO!